

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/KDTM-PT

Ngày: 29 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Trần Thị Mỹ Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Quyên, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Soa; Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT - KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐPT-KDTM ngày 29/11/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X (E).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng H, Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Phạm Đình P1; sinh năm: 1977; Địa chỉ: 8 Khu phố G, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt tại phiên tòa (theo Văn bản ủy quyền số 508/2023/EIB/UQ-TGD ngày 13/1/2023).

2. Ông Vũ Ngọc T; Địa chỉ: khối A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chức vụ: Giám đốc E. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đình H, sinh năm 1995 và chị Phan Thị T1, sinh năm 2001; Điều trú tại: xóm K, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Anh H có mặt, chị T1 vắng mặt (lần 2) tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H1; sinh năm: 1981; Địa chỉ: xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (lần 2) tại phiên tòa.

* *Người kháng cáo:* Anh Lê Đình H, sinh năm 1995 và chị Phan Thị T1, sinh năm 2001; Điều trú tại: xóm K, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Là: Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc T trình bày:

Ngày 18/05/2021, E Chi nhánh V - P2 ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1621-LAV210040037 cho vợ chồng anh Lê Đình H và chị Phan Thị T1 vay tổng số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh thức ăn chăn nuôi; thời hạn cho vay 12 tháng ghi trên mỗi khế ước. Lãi suất cho vay và kỳ hạn điều chỉnh: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ quá hạn bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh H, chị T1 bằng các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022, số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng; phương thức giải ngân chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản số 1000873804896 của bà Trần Thị Thanh m tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh B; lãi suất 8,9%/năm cố định suốt thời gian cho vay.

Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022, số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng; phương thức giải ngân chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản số 1000873804896 của bà Trần Thị Thanh m tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh B; lãi suất 8,9%/năm cố định suốt thời gian cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh H, chị T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng đối với Khế ước nhận nợ 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 các kỳ từ 16/10/2022 và các kỳ từ 17/9/2022 của Khế ước 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022.

Tính đến ngày 31/7/2023, anh H, chị T1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau đây:

Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022: nợ gốc 493.820.990đ; lãi trong hạn 3.657.534đ; lãi quá hạn 13.945.624đ; lãi quá hạn lãi 83.898đ. Tổng cộng 511.508.047đ.

Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022: nợ gốc 500.000.000đ; lãi trong hạn 3.657.534đ; lãi quá hạn 13.898.630đ; lãi quá hạn lãi 104.515đ. Tổng cộng 517.660.680đ.

Tuy nhiên, phần lãi quá hạn lãi của hai khế ước nhận nợ nói trên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, tổng số tiền phải trả theo khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 là 511.424.149đ và tổng số tiền phải trả theo khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022 là 517.556.165đ.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng 567,0m² đất (trong đó 300m² đất ở; 267m² đất vườn) tại thửa số: 77, tờ bản đồ số 34 có địa chỉ: đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 210665, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên bà Trần Thị H1 (mẹ đẻ chị Phan Thị T1).

(Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số: 0097/EIB.YT-TDCN/BĐTS/21 ngày 17/5/2021 được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ ngày 17/5/2021, số công chứng 1622 quyền số 02/2022 TP/CC - SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 17/5/2023 số đăng ký TC04130).

Hiện nay Ngân hàng yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải thanh toán toàn bộ cả gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 1.028.980.312 đồng và toàn bộ tiền lãi, phạt phát sinh đến ngày anh H, chị T1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Trường hợp anh H, chị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì E đề nghị phát mại tài sản là quyền sử dụng 567,0m² đất (Thửa đất số: 77; Tờ BĐ: 34; tọa lạc tại đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An đó đất ở: 300,0 m²; đất vườn: 267,0m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 210665, số vào sổ cấp GCN: CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020. Chủ sử dụng đất: bà Trần Thị H1 - là mẹ đẻ chị Phan Thị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đình H trình bày:

Anh H thừa nhận anh đã cùng vợ là chị Phan Thị T1 ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng E để vay số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng), khế ước nhận nợ, thời

hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay cũng như việc mẹ vợ anh bà Trần Thị H1 ký Hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số: 77, tờ bản đồ số 34 tại đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 210665 ngày 03/7/2020 mang tên Trần Thị H1 để bảo đảm khoản vay như E trình bày. Anh đồng ý trả nợ nhưng hiện nay hoàn cảnh của gia đình anh đang khó khăn, làm ăn thua lỗ, nguyện vọng của anh là Ngân hàng tạo điều kiện cho thêm thời gian để trả nợ dần chứ anh không có tiền để trả một lúc cho Ngân hàng. Trong quá trình làm việc với ngân hàng V2 đã nêu lý do và xin kéo dài thời gian nhưng Ngân hàng vẫn làm đơn khởi kiện như vậy là Ngân hàng không tạo điều kiện cho người dân làm ăn, hơn nữa anh cho rằng ngày 16 và ngày 17 tháng 5 năm 2023 mới hết hạn hợp đồng của 2 khế nhận nợ vậy mà ngày 10/4/2023 E đã làm đơn khởi kiện như vậy là không hợp lý, anh đề nghị Tòa án xem xét để bảo đảm quyền lợi cho anh.

Đối với bị đơn chị Phan Thị T1 quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản, giấy triệu tập làm việc, mặc dù đã nhận được nhưng chị T1 không hợp tác để giải quyết vụ án, do đó Tòa án không ghi được ý kiến của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ý kiến của bà Trần Thị H1 như sau:

Bà thừa nhận vào ngày 17/5/2021 bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số: 77, tờ bản đồ số 34 tại đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An là tài sản của bà để bảo đảm khoản vay anh H, chị T1 với E. Trường hợp anh H, chị T1 không trả hoặc không trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì bà nhất trí để Ngân hàng phát mại tài sản nêu trên để thu hồi nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280; 317; 318; 319; 351; 357; 465; 466 của Bộ luật

Dân sự 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Các Điều 1, 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X:

Buộc anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X (E) số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 1.028.980.312 đồng. Trong đó nợ gốc là 993.820.990 đồng; nợ lãi trong hạn là 7.315.068 đồng; nợ lãi quá hạn là 27.844.254 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1621-LAV210040037 ngày 18/5/2021 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 567,0m² đất (trong đó 300m² đất ở; 267m² đất vườn) tại thửa số: 77, tờ bản đồ số 34 có địa chỉ: đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 210665, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên Trần Thị H1. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0097/EIB.YT-TDCN/BĐTS/21 ngày 17/5/2021 được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 17/5/2021,

số công chứng 1622 quyền số 02/2022 TP/CC - SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 17/5/2023 số đăng ký TC04130.

Số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp không thanh toán đủ số tiền còn nợ thì anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 tiếp tục phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

Anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 trả đủ tiền nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần X có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 210665, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên Trần Thị H1.

[2] Đình chi đối với phần yêu cầu khởi kiện tiền lãi chậm trả lãi của hai Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022 số tiền 188.413 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 8 năm 2023, bị đơn là anh Lê Đình H và chị Phan Thị T1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An với các lý do: thứ nhất, trong quá trình vay vốn thì chưa đến hạn hợp đồng Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết. Thứ hai, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành không định giá tài sản theo Luật định giá. Thứ ba, trong quá trình vay mượn anh chưa chậm lãi theo các điều kiện mà pháp luật quy định, không ảnh hưởng đến hợp đồng vay vốn của anh, nhưng Ngân hàng E đã quy cho anh là đóng lãi chậm là không đúng với quy định của pháp luật. Thứ tư, theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023, quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, anh đã có yêu cầu đối với Ngân hàng E nhưng Ngân hàng đã từ chối yêu cầu của anh, không làm theo quy định của Ngân hàng N. Thứ năm, anh không đồng ý với phần lãi suất quá hạn của Ngân hàng E do

Ngân hàng không thực hiện Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng sơ thẩm ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm; bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại số 09/2023/KDTM-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định...

Tại cấp phúc thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn anh Lê Đình H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phan Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn không có mặt là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của anh H và chị T1 đúng thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý là đúng quy định. Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296, điểm d khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Phan Thị T1

do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Lê Đình H và chị Phan Thị T1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn là chị Phan Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296, điểm d khoản 1 Điều 289 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Phan Thị T1 và tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận: vào ngày 18/5/2021, E Chi nhánh V - P2 đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1621-LAV210040037 cho vợ chồng anh Lê Đình H và chị Phan Thị T1 vay tổng số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh H, chị T1 bằng các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022, số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng; kể từ ngày 16/5/2022 đến ngày 16/5/2023. Kỳ hạn trả nợ gốc là trả một lần khi đáo hạn khoản vay, kỳ hạn trả lãi là hàng tháng vào ngày 16.

- Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022, số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng. Thời hạn 12 tháng; kể từ ngày 17/5/2022 đến ngày 17/5/2023.

Kỳ hạn trả nợ gốc là trả một lần khi đáo hạn khoản vay, kỳ hạn trả lãi là hàng tháng vào ngày 17.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng 567,0m² đất (trong đó 300m² đất ở; 267m² đất vườn) tại thửa số: 77, tờ bản đồ số 34 có địa chỉ: đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 210665, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên bà Trần Thị H1 (mẹ đẻ chị Phan Thị T1).

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp về nội dung của Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp đã được ký kết. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về nội dung Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung này.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Đình H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về nội dung kháng cáo chậm trả nợ lãi: Theo nội dung đơn kháng cáo anh H cho rằng anh không chậm trả lãi theo các điều kiện mà pháp luật quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận anh đã chậm trả nợ lãi nhưng do Ngân hàng đã phạt vi phạm anh chậm trả nợ lãi là 10% trên số tiền chậm trả nên anh không vi phạm. Việc thừa nhận chậm trả nợ lãi của anh H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do E xuất trình thể hiện: đối với Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 bị đơn đã chậm trả nợ lãi: kỳ trả lãi tháng 10, 11/2022 mỗi kỳ chậm 05 ngày; tháng 12/2022 chậm 03 ngày; tháng 02, tháng 4/2023 mỗi kỳ chậm 1 ngày; tháng 3/2023 chậm 4 ngày. Tại Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022 bị đơn đã chậm trả nợ lãi: kỳ trả lãi tháng 9/2022 chậm 02 ngày; tháng 10, 11 mỗi kỳ chậm 4 ngày; tháng 12 chậm 3 ngày; tháng 2, 3, 4/2023 mỗi kỳ chậm 3 ngày. Kết quả tra cứu tại Trung tâm T2 (C1) cũng thể hiện: tại thời điểm tháng 2 và tháng 3/2023, khoản vay của anh H, chị T1 đã chuyển sang nợ nhóm 2 (nợ cần chú ý). Mặt khác, căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng, các Khế

ước nhận nợ đã được ký kết giữa các bên đều thể hiện việc phạt vi phạm 10% trên số tiền chậm trả không phải là cơ sở để miễn trừ trách nhiệm chậm trả nợ lãi của bị đơn nên kháng cáo này của anh H là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Về nội dung kháng cáo khi chưa đến hạn hợp đồng nhưng Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết:

Sau khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn nhóm 2, Ngân hàng đã có Thông báo số 04/YTO/QH/2023 ngày 20/2/2023 yêu cầu anh H, chị T1 tắt toán khoản vay trước 31/3/2023, anh H đã nhận được Thông báo này. Tại “Biên bản làm việc ngày 20/2/2023”, anh H cũng đã có ý kiến “xin chậm nhất đến ngày 16/5/2023 sẽ tắt toán khoản vay. Cố gắng đến 31/3/2023 sẽ tắt toán”. Tuy nhiên, đến 31/3/2023 anh H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nên tại các “Biên bản làm việc ngày 26/3/2023” và “Biên bản làm việc ngày 05/4/2023”, anh H tiếp tục cam kết sẽ tắt toán khoản vay vào ngày 16/5/2023 nhưng Ngân hàng không đồng ý. Như vậy, mặc dù số tiền nợ gốc của cả hai khế ước nhận nợ chưa đến thời hạn tắt toán nhưng do anh H, chị T1 vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ lãi, E đã có thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn gửi đến khách hàng nhưng anh H, chị T1 vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng thông báo nên việc đến ngày 10/4/2023, Ngân hàng căn cứ vào thỏa thuận tại điểm b mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1621-LAV210040037 ngày 18/05/2021; mục 5.2 điểm 5 của Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022; điểm i; g mục 7.1 điểm 7 của phụ lục Hợp đồng số BM12-QDD16/QLRRTD để tiến hành khởi kiện yêu cầu anh H, chị T1 trả nợ là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng, ngày 21/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên nội dung kháng cáo này của anh H là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3]. Đối với nội dung kháng cáo về việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành không định giá tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; đối tượng tranh chấp ở đây là hợp đồng chứ không phải là tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với tài sản thế chấp trong vụ án. Mặt khác, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng không có đương sự nào yêu cầu thẩm định, định giá tài sản nên quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không tiến hành định giá tài sản là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung này.

[3.4]. Về nội dung kháng cáo Ngân hàng không cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN thì tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo cũng thừa nhận theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 02/2023/TT-NHNN đã xác định “Thông tư ngày có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2023” nhưng ngày 10/4/2023, Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện và ngày 21/4/2023, Tòa án đã thụ lý vụ án nên không phải là giai đoạn có hiệu lực của Thông tư. Mặt khác, tại “Biên bản làm việc ngày 20/2/2023”, anh H cũng đã có ý kiến đến 31/3/2023 sẽ tắt toán. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh H cũng thừa nhận không thể tắt toán vào ngày 31/3/2023 và khi có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì anh cũng không làm đơn đề nghị là không đủ điều kiện về cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 nên kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ.

[3.5]. Về nội dung kháng cáo phần lãi suất quá hạn của Ngân hàng E: Bị đơn kháng cáo không đồng ý với lãi suất quá hạn do cho rằng Ngân hàng không thực hiện Thông tư 02/2023/TT-NHNN quy định về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ nhưng như đã phân tích ở trên thì trường hợp của bị đơn không thuộc phạm vi áp dụng Thông tư 02/2023/TT-NHNN. Mặt khác, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng cũng như các Khế ước nhận nợ,

phù hợp với quy định về điều chỉnh lãi suất nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Từ những phân tích trên cho thấy, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 317, 318, 319, 351, 357, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Tại cấp phúc thẩm, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đình H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Phan Thị T1, còn kháng cáo của anh Lê Đình H không được chấp nhận nên anh H, chị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 296, điểm d khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị Phan Thị T1.

1.2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Đình H, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 317, 318, 319, 351, 357, 465, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; các Điều 1, 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N.

Xử: 2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

Buộc anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 1.028.980.312 đồng. Trong đó nợ gốc là 993.820.990 đồng; nợ lãi trong hạn là 7.315.068 đồng; nợ lãi quá hạn là 27.844.254 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1621-LAV210040037 ngày 18/5/2021 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 567,0m² đất (trong đó 300m² đất ở; 267m² đất vườn) tại thửa số: 77, tờ bản đồ số 34 có địa chỉ: đồng C, xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 210665, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên Trần Thị H1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0097/EIB.YT-TDCN/BĐTS/21 ngày 17/5/2021 được công

chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 17/5/2021; số công chứng 1622 quyền số 02/2022 TP/CC - SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 17/5/2023 số đăng ký TC04130.

Số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp không thanh toán đủ số tiền còn nợ thì anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 tiếp tục phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

Anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 trả đủ tiền nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 210665, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/7/2020 mang tên Trần Thị H1.

2.2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện tiền lãi chậm trả lãi của hai Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000171 ngày 16/05/2022 và Khế ước nhận nợ số 1621-LDS-220000172 ngày 17/05/2022 số tiền 188.413 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải chịu 42.869.409 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 21.094.260 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000777 ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Chi phí tố tụng: Anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Ngân hàng E chi nhánh V, Phòng G.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Đình H, chị Phan Thị T1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H, chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001058 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga